TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2025/DS-ST Ngày: 24-03-2025 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nH dân: Ông Nguyễn Đức Binh và ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nH dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nH dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nH dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Quỹ tín dụng nH dân Dt.

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 8, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Tl. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Bị đơn:*** Bà Trần Thị T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: 116B, đường Cây sung bến đò, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940;

Nơi cư trú: Số 123, đường Lê Lợi, khu phố 8, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2/ Chị Nguyễn Trần Như N, sinh năm 2009;

3/ Chị Nguyễn Trần N H, sinh năm 2014;

Cùng nơi cư trú: 116B, đường Cây sung bến đò, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người giám hộ cho chị N và chị H là bà Trần Thị T (mẹ ruột).

Tại phiên tòa, có mặt người Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người giám hộ của chị H và chị N; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/10/2023, tại Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV, Quỹ tín dụng nH dân Dt cho bà Trần Thị T vay số tiền 600.000.000đồng, với hình thức vay T chấp tài sản (theo hợp đồng T chấp số T23/400/HĐTC), thời hạn vay 12 tháng với lãi suất thỏa thuận là 11,9%/năm (điều chỉnh giảm lãi suất còn 11,7%), trả lãi hàng tháng, kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 06/101/2024.

Bên vay vốn đã trả 08 kỳ lãi cho Quỹ tín dụng (trả đến ngày 20/6/2024). Từ đó đến nay, bên vay vốn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết, đến nay đã quá hạn trả gốc. Quỹ tín dụng nH dân Dt đã thông báo nhiều lần mà bên vay vốn vẫn không trả nợ, cố tình chay ỳ, có biểu hiện chiếm dụng vốn bất hợp pháp.

Nay, Quỹ tín dụng nH dân Dt yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nH dân Dt. Buộc bà T còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 15,21%/năm, kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả xong hết nợ cho Quỹ tín dụng.

Trong trường hợp bà T không trả được nợ, Quỹ tín dụng đề nghị phát mãi tài sản theo hợp đồng T chấp số T23/400/HĐTC để đảm bảo quyền và lợi ích cho Quỹ tín dụng.

Số tiền bên vay vốn nợ Quỹ tín dụng nH dân Dt đến ngày 08/10/2024 là:

Tiền gốc: 600.000.000đồng.

Tiền lãi: 25.858.000đồng.

Tổng cộng: 625.858.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thị T đồng thời là người giám hộ của chị Nguyễn Trần Như N và chị Nguyễn Trần N H trình bày:

Bà Trần Thị T đồng ý trả cho Quỹ tín dụng nH dân Dt theo thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023 tạm tính đến ngày **24/3/2025** là: **666.903.123** đồng. Trong đó: nợ gốc 600.000.000 đồng, nợ lãi 66.903.123 đồng.

Bà Trần Thị T đồng ý để Cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự thực hiện kê biên, xử lý tài sản T chấp tại Thỏa thuận T chấp quyền sử dụng đất số

T23/400/HĐTC ngày 06/10/2023 để Quỹ tín dụng nH dân Dt thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L không đồng ý để Cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự thực hiện kê biên, xử lý tài sản T chấp tại Thỏa thuận T chấp quyền sử dụng đất số T23/400/HĐTC ngày 06/10/2023 để Quỹ tín dụng nH dân Dt thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Vì bà Nguyễn Thị L muốn để lại tài sản cho các cháu con ông Nguyễn Công Hoàng và bà Trần Thị T.

Tại phiên toà:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Quỹ tín dụng nH dân Dt yêu cầu bà Trần Thị T trả số tiền nợ vay gốc là 600.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/3/2025 là 66.903.123đồng. Đồng thời tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tín dụng đã ký kết cho đến khi trả xong nợ vay. Trường hợp Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ thì Quỹ tín dụng nH dân Dt có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự thực hiện kê biên, xử lý tài sản T chấp tại Thỏa thuận T chấp quyền sử dụng đất số T23/400/HĐTC ngày 06/10/2023 để Quỹ tín dụng nH dân Dt thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đồng thời là người giám hộ của chị Nguyễn Trần Như N và chị Nguyễn Trần N H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 24/3/2025 là 666.903.123đồng và tiếp tục chịu tiền lãi do hai bên đã thỏa thuận theo thỏa thuận đã ký kết.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ vay và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận vay đã ký kết; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 9, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết theo vụ án này là "Tranh chấp thỏa thuận vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Trần Như N và chị Nguyễn Trần N H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử bảng kê khai tính lãi lập ngày 24/03/2025; ngoài ra, các đương sự không nộp tài liệu, chứng cứ mới nào khác để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Căn cứ vào bản sao Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nH dân Dt với bà Trần Thị T thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản được lập thành văn bản, có thỏa thuận lãi suất vay, mục đích vay, thời hạn vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó, Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nH dân Dt với bà Trần Thị T đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ và đúng quy định.

[4.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ vay gốc còn lại và lãi phát sinh của khoản vay trong Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023, tính đến ngày 24/3/2025 là 666.903.123đồng và yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ vay theo như thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay đã ký kết. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.3] Về lãi suất:

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và tại Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nH dân tối cao – Viện kiểm sát nH dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính, hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản, theo đó lãi suất theo thỏa thuận tín dụng không bị giới hạn bởi mức trần lãi suất cơ bản mà phụ thuộc vào thỏa thuận của các bên trong thỏa thuận tín dụng.

Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 24/3/2025; đồng thời, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay kể từ ngày 25/3/2025 đến khi trả xong toàn bộ các khoản nợ là phù hợp với các thỏa thuận tại Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nH dân Dt với bà Trần Thị T và phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nH dân tối cao – Viện kiểm sát nH dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính và Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nH dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nH dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Về xử lý tài sản T chấp: Để đảm bảo cho khoản vay tại Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023, bà Trần Thị T (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 05/10/2023 tại Văn phòng công chứng Đức Linh) và chị Nguyễn Trần Như N, chị Nguyễn Trần N H đã ký kết hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số T23/400/HĐTC ngày 06/10/2023, để tự nguyện T chấp quyền sử dụng đất tại thôn 5, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất số DL 358757, DL 358758 và DL 358759, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/9/2023.

Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu phát mãi các tài sản T chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Nhận thấy, yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với các thỏa thuận trong Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số T23/400/HĐTC ngày 06/10/2023 được ký kết giữa bà Trần Thị T (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L) và chị Nguyễn Trần Như N, chị Nguyễn Trần N H với Quỹ tín dụng nH dân Dt, cũng như phù hợp với các quy định tại Điều 299, 320, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định 11/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/04/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí DSST. Buộc bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện Đức Linh tại phiên tòa (thể hiện qua bài phát biểu) phù hợp với những nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 93; Điều 95; Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 157, Điều 161, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 299, 320, 323, 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nH dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 (được công bố theo quyết định số 689/QĐ-CA, ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nH dân Tối cao); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định 11/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 10/04/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Mục I của Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nH dân tối cao – Viện kiểm sát nH dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nH dân Dt.

Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nH dân Dt tổng số tiền gốc và lãi theo Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023 tính đến ngày 24/3/2025 với số tiền 666.903.123đồng (bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, một trăm hai mươi ba đồng). Trong đó: Tiền nợ vay gốc là 600.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/3/2025 là: 66.903.123đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Thỏa thuận cho vay số T23/400/TTCV ngày 06/10/2023, được ký kết giữa Quỹ tín dụng nH dân Dt với bà Trần Thị T.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp bà Trần Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Quỹ tín dụng nH dân Dt có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm tại Hợp đồng T chấp quyền sử dụng đất số T23/400/HĐTC ngày 06/10/2023, giữa bên nhận T chấp là Quỹ tín dụng nH dân Dt với bên T chấp là bà Trần Thị T (là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L), chị Nguyễn Trần N H, chị Nguyễn Trần Như N đối với quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 233, tờ bản đồ số 38, diện tích 152,5m^2 đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 358757, DL 358758 và DL 358759, do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận cấp ngày 25/9/2023, đứng tên bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Trần N H, chị Nguyễn Trần Như N (được đăng ký T chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh, theo hồ sơ số 028071.TC.001 ngày 06/10/2023), để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Trần Thị T nộp số tiền 900.000 (bằng chữ: chín trăm nghìn) đồng, để trả lại cho Quỹ tín dụng nH dân Dt.

3.2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị T phải nộp số tiền 30.676.125đồng (bằng chữ: Ba mươi triệu, sáu trăm bảy mươi sáu nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho Quỹ tín dụng nH dân Dt số tiền 14.517.000 (bằng chữ: Mười bốn triệu, năm trăm mười bảy nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số: 0004879 ngày 23 tháng 10 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận